

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 28 - 10 - 2024

V/v ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Bà Nguyễn Thị Hoè

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm ly hôn thụ lý số 107/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị [Phan Thị Thanh T](#), sinh năm 1991

Số định danh cá nhân: 044191007221.

Địa chỉ: [Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#); địa chỉ liên lạc: [Tiểu khu E, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#); có mặt.

- *Bị đơn:* Anh [Hoàng Văn T1](#), sinh năm 1984

Số định danh cá nhân: 044084001522.

Địa chỉ trước lúc xuất cảnh: [Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#); hiện trú tại: [\(C\) D - G](#) – dong - do [K](#), Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, Bản tự khai và tại phiên tòa chị [Phan Thị Thanh T](#) (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Nguyên đơn và anh [Hoàng Văn T1](#) (viết tắt là bị đơn) yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân](#)

[xã N](#), [huyện B](#), [tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 11 tháng 02 năm 2015. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân năm 2017 bị đơn đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc có gọi điện thoại về thăm mẹ con; từ cuối năm 2020 cho đến nay bị đơn không còn liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, bị đơn không có trách nhiệm với gia đình và hai con. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng nguyên đơn có 02 con chung [Hoàng Khánh T2](#), sinh ngày 29/8/2015 và [Hoàng Tuấn T3](#), sinh ngày 25/10/2020; hai con hiện đang sống với nguyên đơn, sau khi ly hôn nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi con và yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng nguyên đơn không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua [Đ](#) tại Hàn Quốc và gửi trực tiếp theo địa chỉ của bị đơn; thực hiện việc đăng thông báo và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn qua người thân; tại Biên bản ghi lời khai ngày 19/8/2024 bà [Phạm Thị X](#) là mẹ của bị đơn trình bày hiện bị đơn đang lao động tại Hàn Quốc nhưng đã ra làm ngoài Công ty không có địa chỉ và chỗ ở ổn định, thường xuyên thay đổi nơi làm việc nên không thể cung cấp địa chỉ cho Tòa án; bị đơn có gọi điện thoại về cho bà nói rõ đã biết việc nguyên đơn làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhưng vì đang lao động bất hợp pháp nên không thể về Việt Nam để giải quyết vụ việc và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện việc đăng tin trên kênh đối ngoại VoV5 [Đ1](#) và trên Cổng thông tin điện tử của hệ thống Tòa án nhưng không có kết quả trả lời của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn; về con chung: Giao nguyên đơn nuôi hai con chung [Hoàng Khánh T2](#), sinh ngày 29/8/2015 và [Hoàng Tuấn T3](#), sinh ngày 25/10/2020; buộc bị đơn đóng góp tiền nuôi con chung với nguyên đơn mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 11/2024; tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật; buộc bị đơn chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn làm đơn xin ly hôn bị đơn đang cư trú, lao động tại nước ngoài. Tại Thông báo số 1931/CV - QLXNC ngày 10/7/2024 của [Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q](#) thì bị đơn xuất cảnh nhiều lần và lần gần nhất vào ngày 29/01/2023 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn theo quy định, cụ thể: Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho [Đ](#) tại Hàn Quốc và gửi trực tiếp theo địa chỉ của bị đơn; thực hiện việc đăng thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn tại nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam và qua người thân là mẹ đẻ của bị đơn.

[4] Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/8/2024 bà [Phạm Thị X](#) là mẹ đẻ của bị đơn đã trình bày, hiện bị đơn đang lao động tại Hàn Quốc nhưng đã ra làm ngoài Công ty nên không có địa chỉ và chỗ ở ổn định, thường xuyên thay đổi nơi làm việc nên không thể cung cấp được địa chỉ cư trú của bị đơn tại Hàn Quốc cho Tòa án; theo bà [X](#) thì bị đơn có gọi điện thoại về cho bà nói rõ đã biết việc nguyên đơn nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhưng không thể về Việt Nam để giải quyết vụ việc và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Như vậy, bị đơn và người thân của bị đơn đã cố tình dấu địa chỉ; căn cứ khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[5] Nguyên đơn và bị đơn yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 11 tháng 02 năm 2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân năm 2017 bị đơn đi lao động tại Hàn Quốc những năm đầu có gọi điện thoại về thăm gia đình; từ cuối năm 2020 cho đến nay bị đơn không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và hai con, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy anh chị không

còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn xin được ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn.

[6] Quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn thừa nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung [Hoàng Khánh T2](#), sinh ngày 29/8/2015 và [Hoàng Tuấn T3](#), sinh ngày 25/10/2020; hai cháu hiện đang sống với nguyên đơn, sau khi ly hôn nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi hai con chung và yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con, Hội đồng xét xử thấy bị đơn đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi con, từ khi sinh ra cho đến nay hai cháu sinh sống ổn định với nguyên đơn; căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nguyện vọng của cháu [Hoàng Khánh T2](#) và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để giao cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi hai con chung và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn đóng góp tiền nuôi con chung với nguyên đơn mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 11/2024 cho đến khi hai con chung của anh chị lần lượt tròn 18 tuổi.

[7] Nguyên đơn thừa nhận vợ chồng anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 3.050.000 đồng chi phí tố tụng. Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

[9] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị [Phan Thị Thanh T](#) được ly hôn anh [Hoàng Văn T1](#).
2. Giao chị [Phan Thị Thanh T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung [Hoàng Khánh T2](#), sinh ngày 29/8/2015 và [Hoàng Tuấn T3](#), sinh ngày 25/10/2020. Buộc anh [Hoàng Văn T1](#) đóng góp tiền nuôi con chung với chị [Phan Thị Thanh T](#) mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 11 năm 2024 cho đến khi hai cháu [T2](#) và [T3](#) lần lượt tròn 18 tuổi.
3. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

4. Chị [Phan Thị Thanh T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0004962 ngày 25/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (Chị [T](#) đã nộp đủ tiền án phí vụ kiện). Anh [Hoàng Văn T1](#) phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

5. Chị [Phan Thị Thanh T](#) phải chịu 3.050.000 đồng chi phí tố tụng (Chị [T](#) đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng).

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị [Phan Thị Thanh T](#) biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án bản án 28/10/2024. Báo cho anh [Hoàng Văn T1](#) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
-

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa